

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Thiết bị điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 16/01/2026

Giờ thi: 13.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25CD1A_01	Nguyễn Thế Bảo	18	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	
2	002	25CD1A_02	Phan Chí Cường	19	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	
3	003	25CD1A_06	Nguyễn Hải Đăng	20	1	8,2	Tám Hai	<i>[Signature]</i>	
4	004	25CD1A_05	Võ Tiến Đạt	21	1	7,9	Bảy Chín	<i>[Signature]</i>	
5	005	25CD1A_04	Trương Nhật Dương	22	1	8,2	Tám Hai	<i>[Signature]</i>	
6	006	25CD1A_03	Chu Đức Duy	23	1	8,8	Tám Tám	<i>[Signature]</i>	
7	007	25CD1A_07	Nguyễn Trung Hậu	24	1	6,7	Sáu Bảy	<i>[Signature]</i>	
8	008	25CD1A_09	Trần Huỳnh Hiệp	25	1	7,0	Bảy Không	<i>[Signature]</i>	
9	009	25CD1A_08	Bùi Trung Hiếu	26	1	7,5	Bảy Năm	<i>[Signature]</i>	
10	010	25CD1A_10	Nguyễn Quốc Huy	27	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	
11	011	25CD1A_11	Trương Hoàng Thái Khang	28	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	
12	012	25CD1A_12	Trần Nam Khánh	29	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	
13	013	25CD1A_13	Đình Hữu Khoa	30	1	7,9	Bảy Chín	<i>[Signature]</i>	
14	014	25CD1A_14	Huỳnh Đăng Khoa	31	1	8,5	Tám Ba	<i>[Signature]</i>	
15	015	25CD1A_15	Lê Thanh Khoa	32	1	7,9	Bảy Chín	<i>[Signature]</i>	
16	016	25CD1A_17	Võ Thái Khoa	33	1	7,7	Bảy Bảy	<i>[Signature]</i>	
17	017	25CD1A_18	Nguyễn Minh Khôi	34	1	8,2	Tám Hai	<i>[Signature]</i>	
18	018	25CD1A_19	Vô Anh Kiệt	01	1	9,1	Chín Một	<i>[Signature]</i>	
19	019	25CD1A_20	Đoàn Minh Kiệt	02	1	6,7	Sáu Bảy	<i>[Signature]</i>	
20	020	25CD1A_21	Lê Hoàng Gia Kiệt	03	1	6,4	Sáu Bốn	<i>[Signature]</i>	
21	021	25CD1A_22	Long Phan Tuấn Kiệt	04	1	7,3	Bảy Ba	<i>[Signature]</i>	
22	022	25CD1A_23	Nguyễn Tấn Anh Kiệt	05	1	7,0	Bảy Không	<i>[Signature]</i>	
23	023	25CD1A_24	Trần Anh Kiệt	06	1	6,6	Sáu Sáu	<i>[Signature]</i>	
24	024	25CD1A_26	Nguyễn Đình Lợi	07	1	7,3	Bảy Ba	<i>[Signature]</i>	
25	025	25CD1A_25	Trần Ngọc Thiên Long	08	1	9,4	Chín Bốn	<i>[Signature]</i>	
26	026	25CD1A_29	Nguyễn Xuân Lực	09	1	9,1	Chín Một	<i>[Signature]</i>	
27	027	25CD1A_28	Nguyễn Thành Lương	10	1	9,1	Chín Một	<i>[Signature]</i>	
28	028	25CD1A_30	Đỗ Nhật Minh	11	1	8,6	Tám Sáu	<i>[Signature]</i>	
29	029	25CD1A_32	Mai Lê Minh	12	1	6,8	Sáu Tám	<i>[Signature]</i>	
30	030	25CD1A_33	Dặng Thành Nguyên	13	1	8,8	Tám Tám	<i>[Signature]</i>	
31	031	25CD1A_34	Lê Tường Nhân	14	1	7,0	Bảy Không	<i>[Signature]</i>	
32	032	25CD1A_36	Nguyễn Thanh Phú	15	1	7,3	Bảy Ba	<i>[Signature]</i>	
33	033	25CD1A_37	Trương Hoàng Phú	16	1	7,3	Bảy Ba	<i>[Signature]</i>	
34	034	25CD1A_38	Trần Đức Phước	17	1	7,6	Bảy Sáu	<i>[Signature]</i>	

35	035	25CD1A_40	Nguyễn Minh	Quân	35	1	7,1 Bay, Mờ		
36	036	25CD1A_41	Phan Minh	Quân	36	1	7,1 Bay, Mờ		
37	037	25CD1A_39	Tạ Minh	Quang	37	1	9,1 Chín, Mờ	Quang	
38	038	25CD1A_42	Hồ Phú	Quý	38	1	7,9 Bay, Chín		
39	039	25CD1A_43	Lương Thái	Siu	39	1	9,1 Chín, Mờ	Siu	
40	040	25CD1A_44	Trần Hữu Anh	Tài	40	1	8,0 Tám, Không	Tài	
41	041	25CD1A_45	Bùi Hà Nhật	Tân	41	1	7,7 Bay, Bay		
42	042	25CD1A_46	Nguyễn Hồ Duy	Tân	42	1	8,3 Tám, Bay		
43	043	25CD1A_47	Võ Thanh	Tân	43	1	7,6 Bay, Sáu		
44	044	25CD1A_48	Trần Chí	Thiện	44	1	7,6 Bay, Sáu		
45	045	25CD1A_49	Nguyễn Hữu	Thịnh	45	1	7,6 Bay, Sáu		
46	046	25CD1A_51	Võ Thanh	Tiến	46	1	7,6 Bay, Sáu	Tiến	
47	047	25CD1A_52	Nguyễn Văn	Tiếp	47	1	7,6 Bay, Sáu		
48	048	25CD1A_54	Lục Đại	Tin	48	1	8,2 Tám, Hai		
49	049	25CD1A_56	Nguyễn Minh	Trí	49	1	8,2 Tám, Hai		
50	050	25CD1A_55	Huỳnh Quang	Triệu	50	1	7,9 Bay, Chín		
51	051	25CD1A_59	Trần Văn	Trọng	51	1	8,4 Tám, Bốn	Trọng	
52	052	25CD1A_57	Lưu Quang	Vinh	52	1	8,4 Tám, Bốn		
53	053	25CD1A_58	Nguyễn Trương Quốc	Vinh	53	1	5,4 Năm, Bốn	Vinh	
54	054	25CD1A_60	Đặng Minh	Vũ	54	1	6,9 Sáu, Chín	Vũ	

Tổng số: 05 + 54 = 59

Số sinh viên có mặt: ... 59

Số sinh vắng mặt: ... 0

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 1 năm 2026

Số bài thi: ... 59

Số tờ giấy thi: ... 59

Giám thị 1

Huỳnh Vũ Quốc Chiến

Duyệt

P. Trưởng khoa

Võ Thanh Việt

Giám thị 2

Huỳnh Hữu Tài

Thư ký khoa

Phan Thị Hằng Emny

055	24CD1A-02	Nguyễn Phạm Đức Anh	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Số phần
			8,9	Tám, Chín	Anh	55
056	24CD1A-18	Nguyễn Hoàn Kiên	8,9	Tám, Chín	Kiên	56
057	24CD1A-23	Nguyễn Hoàng Long	7,2	Bay, Hai	Long	57
058	24CD1A-24	Nguyễn Hoàng Công Minh	8,4	Tám, Bốn		58
059	24CD1A-33	Lê Trung Thiện	8,9	Tám, Chín	Thiện	59
		 Võ Thanh Việt				